

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 9 năm 2019

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Vĩnh

2. Ông Nguyễn Xuân Bình

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2019/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXX - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 69/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Kiều Thị H, sinh năm 1989 (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1985 (có mặt)

Đều cư trú: TDP S, thị trấn T, huyện S, tỉnh Vĩnh phúc

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1957 (vắng mặt), Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Đều cư trú: TDP S, thị trấn T, huyện S, tỉnh Vĩnh phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2019, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Kiều Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Minh T ngày 19/11/2015 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do điều kiện công việc vợ chồng ở xa nhau nên bất đồng quan điểm sống dẫn đến thỉnh thoảng cãi chửi nhau và anh T

hiều lần đánh đập chị. Hai bên gia đình có dàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có một con Nguyễn Minh N, sinh ngày 22/6/2016, hiện đang ở cùng gia đình anh T. Ly hôn chị xin nuôi cháu N và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị làm huấn luyện viên bơi thuyền tại Hà Nội thu nhập bình quân 7.500.000đ/tháng, ngoài ra chị còn đi làm thêm thu nhập khoảng gần 20.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị H trình bày là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn do chị H ngoại tình nên không quan tâm đến chồng con và gia đình dẫn đến thỉnh thoảng vợ chồng có cãi nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn với chị H. Hiện anh đang công tác tại Ban chỉ huy quân sự huyện Mường Ảng, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Điện Biên một, hai tháng mới về nhà một lần, mỗi năm được nghỉ phép một tháng.

Về con chung: Vợ chồng có một con như chị H trình bày là đúng. Ly hôn anh xin nuôi cháu N và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện anh làm bộ đội thu nhập khoảng 17.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa, bà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, quá trình giải quyết bà trình bày: Bà có quan hệ là mẹ đẻ của anh T, anh T và chị H kết hôn ngày 19/11/2015. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu và chung sống cùng gia đình bà ngay. Quá trình vợ chồng chung sống bà không biết anh chị có mâu thuẫn gì hay không. Nay chị H xin ly hôn bà đề nghị cho anh chị tự quyết định. Về con chung anh chị có một con Nguyễn Minh N, sinh ngày 22/6/2016, hiện nay đang ở cùng gia đình bà. Ly hôn bà đề nghị để anh T nuôi dưỡng cháu vì cháu N ở cùng gia đình bà từ nhỏ đến nay, còn chị H đi làm ở Hà Nội thuê nhà trọ một mình thỉnh thoảng mới về thăm con. Gia đình bà đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi dưỡng cháu N được tốt. Về tài sản chung, công nợ, công sức bà không biết anh chị có gì. Tại phiên tòa ngày 30/7/2019 bà trình bày khi cháu N được hơn 01 tuổi thì chị H đi làm ở huyện Sông Lô, cháu N 02 tuổi chị H đi làm ở Hà Nội cuối tuần chị vẫn về cùng bà chăm sóc cháu N và vẫn đưa tiền cho bà chăm con. Khi anh chị làm đơn ly hôn chị vẫn về nhà bà chăm sóc con. Anh T đi làm bộ đội một hai tháng anh mới về.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình K vắng mặt tại phiên tòa ông có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông, quá trình giải quyết ông

trình bày: Ông có quan hệ là bố đẻ của anh T và là chồng của bà D. Ông đồng ý quan điểm trình bày của vợ ông về nội dung vụ án trong quá trình giải quyết, ông không thay đổi bổ sung gì.

Qua xác minh tại UBND thị trấn T: Chị Kiều Thị H kết hôn với anh Nguyễn Minh T ngày 19/11/2015 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không biết do anh chị đi làm thỉnh thoảng mới về gia đình. Nay chị H xin ly hôn anh T địa phương đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung vợ chồng có một con chung Nguyễn Minh N, sinh ngày 22/6/2016, hiện đang ở cùng gia đình anh T. Anh chị ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ địa phương không biết anh chị có gì.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 55, các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Kiều Thị H và anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao cho chị Kiều Thị H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 22/6/2016, hiện đang ở cùng gia đình anh T. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Không ai được ngăn cản quyền thăm nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Kiều Thị H và anh Nguyễn Minh T là hôn nhân hợp pháp, tiến bộ, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện S. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do chị H ngoại tình nên không quan

tâm đến chồng con và gia đình dẫn đến thỉnh thoảng vợ chồng có cãi nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh T đồng ý là có căn cứ, phù hợp Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con là Nguyễn Minh N, sinh ngày 22/6/2016, hiện đang ở cùng gia đình anh T. Ly hôn cả hai đều xin được nuôi con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Xét việc nuôi con của các bên thấy rằng chị H và anh T đều có thu nhập, chỗ ở ổn định, đảm bảo để nuôi con, nhưng hiện cháu N còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác anh T là bộ đội thường xuyên phải đi công tác. Do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện cho con và bảo vệ quyền lợi cho người phụ nữ sau khi ly hôn nên giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng. Việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện, phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị H, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và quyết định.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 55, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Kiều Thị H và anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao cho chị Kiều Thị H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 22/6/2016, hiện đang ở cùng gia đình anh T. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Không ai được ngăn cản quyền thăm nuôi con.

Theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị Hội đồng xét xử nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Kiều Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2017/0001519 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú của người vắng mặt./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND thị trấn Tam Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ